TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HS-ST
Ngày: 21/6/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Văn Trình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thiện;

2. Bà Trần Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Lê An Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 41/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Văn N, sinh năm 1997 tại tỉnh Ninh Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã AH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ thuộc khu phố BK, Phường F, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn P, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1975; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2021 cho đến nay. (Có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Khu phố A, phường HP, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

* *Người làm chứng*:

Trần Văn D, sinh năm 1996;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã AH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình;

Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ thuộc khu phố BK, Phường F, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

** Người chứng kiến*:

Lê Văn T1, sinh năm 1967;

Nơi cư trú: Ấp 3, xã PN, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 28/8/2020, lực lượng Công an tỉnh Bến Tre tiến hành tuần tra trên đường Nguyễn Thị Định. Khi đến đoạn thuộc khu phố 3, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre thì phát hiện bị cáo Trần Văn N đang điều khiển xe mô tô biển số 61B2-081.26 chở sau Trần Văn D và có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện Trần Văn D có cất giấu trong túi quần đang mặc 01 gói nylon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép và vạch màu xanh bên trong có chứa 02 viên nén màu đỏ, hình chữ nhật nghi là ma túy nên tiến hành thu giữ tang vật, lập biên bản vụ việc và thông báo cho lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Bến Tre đến tiếp nhận đưa bị cáo N và D về trụ sở Công an thành phố Bến Tre làm việc.

Tại đây, ngoài D thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo N cũng tự khai nhận: Vào khoảng giữa tháng 7 năm 2020, bị cáo đi chơi tại quán NEW CLUB thuộc ấp 1, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre thì được một người thanh niên (không rõ họ, tên và địa chỉ) cho bị cáo 01 viên thuốc lắc để sử dụng nhưng bị cáo không sử dụng mà đem về nhà thuê ở số 291C, ấp 3, xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cất giấu nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đưa bị cáo về nhà bị cáo thuê ở lấy giao nộp.

Vật chứng thu giữ:

- 01 viên nén màu đỏ có logo hình vương miệng được gói trong gói giấy màu trắng (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì ký hiệu 1 có chữ ký và ghi tên Trần Văn D, Trần Văn N, Lê Văn T1, Phan Nghĩa Thạnh, Võ Huỳnh Phúc, Nguyễn Thanh Nhân và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre);

- Xe mô tô, biển số 61B2-081.26 và giấy đăng ký xe mô tô xe máy biển số 61B2-081.26 mang tên Nguyễn Văn T;

- 01 điện thoại Nokia màu đen, số IMEI: 357751101156153 kèm sim số 0355761345;

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, màu trắng, số IMEI 35673801337219, kèm sim số 0974162222;

- Tiền Việt Nam: 1.500.000 đồng;

- 01 nắp nhựa màu vàng có hình đầu con chim bên trong có gói giấy.

Theo kết luận giám định số 92/2020/GĐMT ngày 03/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: 01 viên nén màu đỏ có logo hình vương miệng được niêm phong trong phong bì ký hiệu 1 gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,3482 gam.

Tại Bản cáo trạng số 39/CT-VKSTPBT ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Về tội danh và hình phạt chính:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng do bị cáo không có thu nhập ổn định.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Đối với 01 viên nén màu đỏ có logo hình vương miệng được niêm phong trong phong bì ký hiệu 1 sau giám định do đã sử dụng hết trong quá trình giám định nên không đề cập xử lý.

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 nắp nhựa màu vàng có hình đầu con chim bên trong có gói giấy dùng cất giấu ma túy.

+ Trả lại cho bị cáo N 01 xe mô tô, biển số 61B2-081.26 và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 61B2-081.26 mang tên Nguyễn Văn T; 01 điện thoại NOKIA màu đen, số IMEI: 357751101156153 kèm sim số 0355761345; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng, số IMEI 35673801337219, kèm sim số 0974162222, do không liên quan đến vụ án.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.500.000 đồng thu của bị cáo N để đảm bảo thi hành án. Sau khi thi hành án xong, số tiền còn thừa sẽ trả lại cho bị cáo N.

- Đối với đối tượng cho bị cáo N ma túy do không rõ họ, tên và địa chỉ nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

- Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Trần Văn D đã được tách ra và đã xét xử xong trong vụ án khác nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

Bị cáo N khai nhận 01 viên nén màu đỏ có logo hình vương miệng được gói trong gói giấy màu trắng mà lực lượng Công an thu giữ là ma túy của bị cáo, bị cáo có được là do vào khoảng giữa tháng 7/2020, bị cáo đi chơi tại quán NEW CLUB thuộc ấp 1, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre thì được một người thanh niên (không rõ họ, tên và địa chỉ) cho bị cáo để sử dụng nhưng bị cáo không sử dụng mà đem về nhà thuê ở số 291C, ấp 3, xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cất giấu. Vào khoảng 22 giờ ngày 28/8/2020, khi bị cáo đang điều khiển xe mô tô biển số 61B2-081.26 chở sau Trần Văn D thì bị lực lượng Công an tỉnh Bến Tre yêu cầu dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện D có cất giấu ma túy, bị cáo cũng khai ra hành vi cất giấu ma túy của mình tại nhà bị cáo thuê ở nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đưa bị cáo về lấy giao nộp. Việc bị cáo được cho ma túy và cất giữ tại nhà thuê ở, D hoàn toàn không biết vì bị cáo giấu D. Bị cáo đồng ý với kết luận giám định, không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và người chứng kiến, bị cáo N không có ý kiến, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt người này. Xét thấy việc vắng mặt của người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người này là phù hợp theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Bị cáo N có lời khai tại phiên tòa phù hợp với biên bản sự việc, kết quả giám định, biên bản thực nghiệm điều tra, lời khai của những người tham gia tố tụng và các chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 07 giờ 20 phút ngày 29/8/2020, tại nhà số 291C, ấp 3, xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, bị cáo N đã có hành vi cất giấu trái phép 0,3482 gam ma túy, loại MDMA để sử dụng thì bị lực lượng Công an phát hiện.

[3] Bị cáo N là người có đủ năng lực nhận biết việc cất giấu ma túy là bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn cất giấu ma túy để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy

tố bị cáo N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển bình thường của con người, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, là nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo N chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo N được hưởng là người phạm tội tự thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Do bị cáo N không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 viên nén màu đỏ có logo hình vương miệng được niêm phong trong phong bì ký hiệu 1 sau giám định do đã sử dụng hết trong quá trình giám định nên không đề cập xử lý.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 nắp nhựa màu vàng có hình đầu con chim bên trong có gói giấy dùng cất giấu ma túy.

- Trả lại cho bị cáo N 01 xe mô tô, biển số 61B2-081.26 và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 61B2-081.26 mang tên Nguyễn Văn T; 01 điện thoại NOKIA màu đen, số IMEI: 357751101156153 kèm sim số 0355761345; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng, số IMEI 35673801337219, kèm sim số 0974162222, do không liên quan đến vụ án.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.500.000 đồng thu của bị cáo N để đảm bảo thi hành án. Sau khi thi hành án xong, số tiền còn thừa sẽ trả lại cho bị cáo N.

[8] Đối với đối tượng cho bị cáo N ma túy do không rõ họ, tên và địa chỉ nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Trần Văn D đã được tách ra và đã xét xử xong trong vụ án khác nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

[9] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về tội danh; điều luật áp dụng; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo N phải nộp theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Trần Văn N 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) nắp nhựa màu vàng có hình đầu con chim bên trong có gói giấy.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn N 01 (một) xe mô tô, biển số 61B2-081.26 và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 61B2-081.26 mang tên Nguyễn Văn T; 01 (một) điện thoại NOKIA màu đen, số IMEI: 357751101156153 kèm sim số 0355761345; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng, số IMEI 35673801337219, kèm sim số 0974162222.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng thu của bị cáo Trần Văn N để đảm bảo thi hành án. Sau khi thi hành án xong, số tiền còn thừa sẽ trả lại cho bị cáo Trần Văn N.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/6/2021, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Trần Văn N phải nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn (15) mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường F, TP BT, tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã AH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình (1b);
- Bị cáo, NCQLNVLQ (2b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Trình